DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 313/QĐ-ĐHPY ngày 29/6/2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Phú Yên)

1. Ngành:Giáo dục Tiểu học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2012-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	125D1402020029	Trần Thị Thùy	Linh	N	29/10/94	Gia Lai	3.10	Khá
2	125D1402020046	Lê Thị Ngọc	Huyền	N	27/08/92	Quảng Trị	2.90	Khá

Ghi chú: 02 Khá

2. Ngành:Sư phạm Tiếng Anh - Trình độ :Đại học - Khóa : 2012-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	125D1402310013	Nguyễn Thị Như	My	N	1/10/1994	Gia Lai	2.46	Trung bình

Ghi chú: 01 Trung bình

3. Ngành:Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2013-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	131C5103010024	Nguyễn Ngọc	Trọng		26/09/95	Bình Định	2.14	Trung bình

Ghi chú: 01 Trung bình

4. Ngành:Lâm nghiệp - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2013-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	131C6202010009	Nguyễn Văn	Hải		3/12/1994	Bình Định	2.18	Trung bình

Ghi chú: 01 Trung bình

5. Ngành:Giáo dục Mầm non - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D1402010007	Nguyễn Thị	Đào	N	20/02/95	Phú Yên	2.82	Khá
2	135D1402010002	Trần Thị Thúy	Diễm	N	25/03/95	Phú Yên	2.89	Khá
3	135D1402010003	Vũ Thị Kiều	Diễm	N	26/10/95	Phú Yên	2.69	Khá
4	135D1402010004	Nguyễn Thị Thùy	Dương	N	14/10/95	Phú Yên	2.98	Khá
5	135D1402010005	Nguyễn Thị Hạnh	Duyên	N	19/11/95	Phú Yên	2.80	Khá
6	135D1402010008	Huỳnh Thị Thu	Hà	N	23/07/94	Phú Yên	2.69	Khá
7	135D1402010009	Huỳnh Thị	Hải	N	26/04/95	Phú Yên	2.80	Khá
8	135D1402010010	Đặng Thị	Hân	N	12/11/1995	Phú Yên	3.16	Khá
9	135D1402010011	Lê Thị Ngọc	Hân	N	26/11/95	Phú Yên	3.33	Giỏi
10	135D1402010076	Nguyễn Thị	Hạnh	N	2/6/1994	Phú Yên	2.63	Khá
11	135D1402010012	Lê Thị Hồng	Hoa	N	20/11/95	Phú Yên	2.81	Khá
12	135D1402010013	Phạm Thị	Hồng	N	28/03/95	Phú Yên	2.83	Khá
13	135D1402010014	Trần Thị Mỹ	Hưng	N	28/09/95	Phú Yên	2.88	Khá
14	135D1402010077	Lê Thị	Hương	N	9/10/1995	Phú Yên	2.73	Khá
15	135D1402010016	Võ Thị	Hưởng	N	13/11/95	Phú Yên	2.72	Khá
16	135D1402010017	Trần Thị Hồng	Huyền	N	18/10/95	Phú Yên	3.01	Khá
17	135D1402010018	Huỳnh Thị ái	Khoa	N	20/04/95	Phú Yên	3.09	Khá
18	135D1402010020	Phan Thị Diễm	Kiều	N	12/5/1995	Phú Yên	2.75	Khá
19	135D1402010023	Lê Thị Ngọc	Linh	N	17/06/95	Phú Yên	3.23	Giỏi

20	135D1402010024	Ngô ái	Linh	N	1/11/1995	Phú Yên	2.88	Khá
21	135D1402010025	Phan Thị Thu	Linh	N	10/3/1995	Phú Yên	2.80	Khá
22	135D1402010026	Trần Thị Khánh	Linh	N	13/02/94	Nghệ An	3.20	Giỏi
23	135D1402010028	Trần Thị Kim	Loan	N	16/03/95	Phú Yên	2.85	Khá
24	135D1402010029	Huỳnh Thị Quỳnh	Ly	N	12/8/1995	Phú Yên	3.04	Khá
25	135D1402010030	Đặng Thị Huỳnh	Miên	N	2/4/1995	Phú Yên	2.56	Khá
26	135D1402010033	Trần Huỳnh	Nga	N	26/05/95	Phú Yên	2.64	Khá
27	135D1402010036	Bùi Thị	Nhiễn	N	1/10/1995	Phú Yên	3.01	Khá
28	135D1402010037	Bùi Kim	Oanh	N	28/09/95	Phú Yên	3.05	Khá
29	135D1402010038	Nguyễn Thị Thu	Phúc	N	26/12/95	Phú Yên	3.09	Khá
30	135D1402010039	Đỗ Đặng Lưu	Phương	N	25/10/95	Phú Yên	2.78	Khá
31	135D1402010041	Đỗ Thị Minh	Phượng	N	1/6/1995	Phú Yên	2.74	Khá
32	135D1402010042	Lê Thị Tuyết	Phượng	N	15/07/95	Phú Yên	2.76	Khá
33	135D1402010044	Lê Thị Thu	Sang	N	28/02/95	Phú Yên	2.92	Khá
34	135D1402010045	Nguyễn Thị Hồng	Sương	N	14/10/95	Khánh Hòa	2.83	Khá
35	135D1402010046	Hồ Thị Phương	Thảo	N	10/1/1995	Phú Yên	2.58	Khá
36	135D1402010047	Huỳnh Dương	Thảo	N	28/07/95	Phú Yên	2.77	Khá
37	135D1402010078	Trần Thị Bích	Thảo	N	10/3/1994	Phú Yên	2.80	Khá
38	135D1402010049	Lại Thị	Thoa	N	8/11/1995	Phú Yên	2.68	Khá
39	135D1402010050	Nguyễn Thị Kim	Thoa	N	11/8/1993	Phú Yên	2.88	Khá
40	135D1402010051	Nguyễn Thị Kim	Thu	N	20/05/95	Phú Yên	2.80	Khá
41	135D1402010052	Vũ Thị Anh	Thư	N	20/08/94	Phú Yên	3.24	Giỏi
42	135D1402010053	Huỳnh Thị	Thuận	N	17/07/95	Phú Yên	2.83	Khá
43	135D1402010057	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	N	6/2/1995	Phú Yên	2.72	Khá
44	135D1402010054	Đặng Thị Minh	Thùy	N	26/03/95	Phú Yên	2.68	Khá
45	135D1402010055	Phạm Thị	Thùy	N	11/3/1995	Phú Yên	2.52	Khá
46	135D1402010058	Đặng Thị Thanh	Thủy	N	12/5/1995	Phú Yên	2.62	Khá
47	135D1402010059	Lê Thu	Thủy	N	29/06/95	Phú Yên	2.90	Khá
48	135D1402010061	Nguyễn Thanh	Thụy	N	20/01/95	Phú Yên	2.88	Khá
49	135D1402010062	Phan Thị Bích	Trâm	N	20/05/94	Phú Yên	2.72	Khá
50	135D1402010064	Nguyễn Thị Thùy	Trang	N	28/09/95	Phú Yên	2.81	Khá
51	135D1402010065	Võ Thị Thiên	Trang	N	19/10/95	Phú Yên	2.98	Khá
52	135D1402010066	Đỗ Thị Minh	Trí	N	17/04/94	Quảng Ngãi	2.72	Khá
53	135D1402010067	Lương Tuyết	Trinh	N	29/04/95	Phú Yên	2.80	Khá
54	135D1402010068	Nguyễn Thị Cẩm	Trinh	N	8/2/1995	Phú Yên	3.00	Khá
55	135D1402010069	Nguyễn Thị	Truyền	N	27/10/95	Gia Lai	2.68	Khá
56	135D1402010070	Lê Thị	Tuyền	N	11/11/1995	Phú Yên	2.70	Khá
57	135D1402010071	Trần Thị Thanh	Tuyền	N	11/7/1995	Phú Yên	2.88	Khá
58	135D1402010072	Phạm Thị	út	N	4/8/1995	Phú Yên	3.09	Khá
59	135D1402010073	Nguyễn Kim Thu	Vân	N	23/04/95	Phú Yên	3.00	Khá
60	135D1402010074	Nguyễn Thị	Vàng	N	12/7/1995	Phú Yên	3.12	Khá
61	135D1402010075	Dương Thị Bình	Yên	N	10/6/1995	Phú Yên	3.27	Giỏi

Ghi chú: 5 Giỏi, 56 Khá , 0 Trung bình

6. Ngành:Giáo dục Tiểu học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D1402020004	Trình Mạnh	Cường		18/09/95	Phú Yên	2.51	Khá
2	135D1402020005	Nguyễn Công	Danh		16/10/93	Phú Yên	2.75	Khá
3	135D1402020012	Nguyễn Thị	Đẩu	N	15/07/95	Khánh Hoà	2.92	Khá
4	135D1402020006	Huỳnh Thúy	Diễm	N	19/04/95	Phú Yên	2.94	Khá
5	135D1402020007	Ninh Thị	Dung	N	8/3/1995	Phú Yên	3.05	Khá
6	135D1402020009	Trần Thị Khánh	Duy	N	19/11/95	Phú Yên	2.83	Khá
7	135D1402020011	Võ Thị Thanh	Duyên	N	22/12/95	Bình Định	3.20	Giỏi
8	135D1402020013	Đặng Thị Lệ	Hà	N	13/10/95	Phú Yên	3.01	Khá
9	135D1402020015	Phạm Thị Bích	Hạnh	N	3/3/1995	Phú Yên	3.13	Khá
10	135D1402020016	Lê Thị Hoàng	Hảo	N	6/5/1995	Phú Yên	2.93	Khá
11	135D1402020017	Huỳnh Thị Bích	Hiền	N	21/11/95	Phú Yên	3.51	Giỏi
12	135D1402020018	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	N	7/3/1995	Phú Yên	2.68	Khá
13	135D1402020019	Trần Thị	Hiền	N	27/02/95	Gia Lai	2.74	Khá
14	135D1402020020	Phạm Lê Mỹ	Hoa	N	20/04/95	Phú Yên	3.05	Khá
15	135D1402020001	Rô	H'plêm	N	12/5/1992	Gia Lai	2.33	Trung bình
16	135D1402020024	Võ Thanh	Huyền	N	18/08/94	Phú Yên	3.02	Khá
17	135D1402020025	Trần Thị Thúy	Kiều	N	25/04/95	Phú Yên	3.22	Giỏi
18	135D1402020028	Nguyễn Thị Phương	Lan	N	26/02/95	Phú Yên	3.25	Giỏi
19	135D1402020029	Lê Thị Mỹ	Lệ	N	8/3/1995	Phú Yên	3.16	Khá
20	135D1402020030	Phạm Thị	Liên	N	2/8/1995	Phú Yên	3.12	Khá
21	135D1402020032	Nguyễn Thị Trúc	Linh	N	21/02/95	Phú Yên	3.26	Giỏi
22	135D1402020033	Hồ Thị	Lợi	N	14/05/95	Phú Yên	3.17	Khá
23	135D1402020034	Mai Thị út	Ly	N	10/6/1995	Phú Yên	3.01	Khá
24	135D1402020035	Nguyễn Thị Thảo	Ly	N	12/7/1995	nh Định	3.02	Khá
25	135D1402020036	Bùi Thị út	Mai	N	15/05/95	Gia Lai	2.69	Khá
26	135D1402020037	Trang Thị Tuyết	Mai	N	20/01/95	Bình Định	2.81	Khá
27	135D1402020038	Lê Thị Hồng	Mến	N	3/2/1995	Bình Định	3.18	Khá
28	135D1402020039	Nguyễn Thị ái	Mỹ	N	24/07/95	Phú Yên	3.12	Khá
29	135D1402020040	Trương Thị Thẩm	Mỹ	N	10/8/1995	Phú Yên	3.28	Giỏi
30	135D1402020041	Hứa Thị	Nga	N	16/07/95	Phú Yên	2.97	Khá
31	135D1402020042	Tô Huỳnh	Nghĩa		26/04/95	Phú Yên	2.51	Khá
32	135D1402020044	Nguyễn Thị Hồng	Nhị	N	20/01/95	Phú Yên	3.24	Giỏi
33	135D1402020046	Huỳnh Thị Mỹ	Nữ	N	17/04/95	Phú Yên	2.76	Khá
34	135D1402020047	Nguyễn Thị Kim	Oanh	N	10/7/1995	Phú Yên	3.09	Khá
35	135D1402020049	Nguyễn Thị Thúy	Phụng	N	2/2/1995	Bình Định	2.84	Khá
36	135D1402020050	U - Y -	Phụng	N	7/9/1995	Gia Lai	2.80	Khá
37	135D1402020051	Nguyễn Thị Thu	Quyên	N	19/06/95	Phú Yên	2.92	Khá
38	135D1402020052	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	N	19/11/95	Phú Yên	3.01	Khá
39	135D1402020054	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	N	20/04/95	Phú Yên	2.93	Khá
40	135D1402020056	Trình Lê Thu	Sương	N	1/4/1995	Phú Yên	3.08	Khá
41	135D1402020057	Lê Thị	Tâm	N	10/5/1994	Thanh Hóa	2.71	Khá

42	135D1402020059	Đặng Thị	Thân	N	1/1/1994	Bình Định	3.29	Giỏi
43	135D1402020061	Nguyễn Mỹ Kim Thạch	Thảo	N	18/10/95	Khánh Hoà	3.13	Khá
44	135D1402020062	Nguyễn Thị	Thảo	N	6/11/1995	Phú Yên	2.98	Khá
45	135D1402020063	Nguyễn Thị Minh	Thảo	N	2/7/1995	Khánh Hoà	3.03	Khá
46	135D1402020064	Nguyễn Thị	Thoa	N	13/08/95	Bình Định	3.09	Khá
47	135D1402020065	Nguyễn Thị	Thu	N	5/9/1994	Gia Lai	2.95	Khá
48	135D1402020067	Phạm Mỹ Ngọc	Thuận	N	23/11/95	Phú Yên	3.26	Giỏi
49	135D1402020070	Liễu Thị	Thương	N	29/09/95	Phú Yên	2.87	Khá
50	135D1402020072	Phạm Thị	Thủy	N	1/8/1995	Phú Yên	2.92	Khá
51	135D1402020073	Huỳnh Thị	Tiên	N	14/11/94	Phú Yên	2.95	Khá
52	135D1402020076	Nguyễn Thị	Trâm	N	10/7/1995	Phú Yên	2.95	Khá
53	135D1402020077	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N	20/11/95	Phú Yên	2.86	Khá
54	135D1402020078	Trương Thị Mỹ	Triều	N	28/02/95	Bình Định	3.16	Khá
55	135D1402020079	Nguyễn Ngọc	Trình		12/9/1995	Phú Yên	3.21	Giỏi
56	135D1402020080	Nguyễn Thị Khánh	Trình	N	2/3/1995	Bình Định	2.88	Khá
57	135D1402020081	Đào Thị Ngọc	Trúc	N	6/5/1994	Phú Yên	2.67	Khá
58	135D1402020083	Võ Thành	Trung		25/08/95	Quảng Nam	2.57	Khá
59	135D1402020084	Phan Thị Cẩm	Tú	N	26/09/95	Phú Yên	3.15	Khá
60	135D1402020085	Huỳnh Ngọc	Tuyến		15/11/95	Phú Yên	2.82	Khá
61	135D1402020086	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	N	9/7/1995	Phú Yên	2.92	Khá

Ghi chú: 10 Giỏi, 50 Khá , 1 Trung bình

7. Ngành:Sư phạm Tin học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D1402100015	Nguyễn Phương	An		2/2/1994	nh Định	2.82	Khá
2	135D1402100001	Hồ Tường	Châu		24/08/95	Phú Yên	2.72	Khá
3	135D1402100003	Vũ Thị	Dân	N	17/03/94	Gia Lai	3.00	Khá
4	135D1402100017	Nguyễn Thị Bích	Diễm	N	10/12/1995	Phú Yên	2.64	Khá
5	135D1402100019	Nguyễn Trần Khánh	Duy		2/9/1994	Phú Yên	2.61	Khá
6	135D1402100021	Trần Thị Cẩm	Hương	N	10/5/1995	Phú Yên	2.77	Khá
7	135D1402100024	Nguyễn Thị	Kiều	N	4/11/1995	Bình Định	2.80	Khá
8	135D1402100008	Đặng Thị	Liên	N	2/12/1993	Nghệ An	2.84	Khá
9	135D1402100006	Lê Thị Phước	Lộc	N	4/5/1994	Phú Yên	2.85	Khá
10	135D1402100027	Trần Thị My	Ly	N	6/4/1995	Phú Yên	2.96	Khá
11	135D1402100036	Trần Thị	Sang	N	20/12/95	Bình Định	2.96	Khá
12	135D1402100039	Huỳnh Thị Thu	Sương	N	10/4/1995	Bình Định	2.64	Khá
13	135D1402100010	Lưu Thị Kim	Thân	N	25/02/95	Phú Yên	2.70	Khá
14	135D1402100011	Nguyễn Thị Bích	Thảo	N	25/03/94	Bình Định	2.87	Khá
15	135D1402100040	Nguyễn Thị Bảo	Thiện	N	6/8/1995	Phú Yên	2.93	Khá
16	135D1402100041	Lê Thị Mỹ	Thương	N	9/2/1995	Phú Yên	3.48	Giỏi
17	135D1402100042	Nguyễn Hoài	Thương	N	23/05/94	Phú Yên	2.71	Khá
18	135D1402100043	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	N	1/1/1995	Bình Định	2.52	Khá
19	135D1402100012	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	N	8/10/1995	Phú Yên	2.81	Khá
20	135D1402100047	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	N	26/12/95	Phú Yên	2.91	Khá

21	135D1402100048	Dương Thị Hà	Trường	N	20/12/95	Bình Định	2.65	Khá
22	135D1402100050	Phan Thị Kim	Tuyến	N	3/2/1995	Hà Tĩnh	2.56	Khá
23	135D1402100014	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	N	28/12/95	Phú Yên	2.65	Khá
24	135D1402100053	Nguyễn Thị Như	ý	N	9/9/1995	Bình Định	2.75	Khá

Ghi chú: 1 Giỏi, 23 Khá , 0 Trung bình

8. Ngành:Sư phạm Hóa học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D1402120001	Lê Thị	Anh	N	22/07/95	Hà Tĩnh	2.77	Khá
2	135D1402120002	Phan Thị Ngọc	Châu	N	3/12/1995	Phú Yên	2.67	Khá
3	135D1402120005	Bùi Thị Mỹ	Danh	N	4/8/1994	Quảng Ngãi	2.66	Khá
4	135D1402120007	Nguyễn Thị ánh	Diễm	N	2/11/1994	Phú Yên	3.14	Khá
5	135D1402120011	Trịnh Thùy	Giang	N	19/03/95	Thanh Hóa	2.82	Khá
6	135D1402120012	Nguyễn Thị Thu	Hà	N	7/4/1995	Quảng Ngãi	3.02	Khá
7	135D1402120013	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	N	22/03/95	Phú Yên	3.00	Khá
8	135D1402120015	Lâm Thị	Hiện	N	8/1/1995	Bình Định	2.73	Khá
9	135D1402120016	Cao Lê Minh	Hiệp	N	28/02/94	Phú Yên	2.90	Khá
10	135D1402120018	Phạm Thị	Hòa	N	25/06/95	Phú Yên	2.83	Khá
11	135D1402120024	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	N	20/02/94	Phú Yên	2.94	Khá
12	135D1402120026	Cao Thị Thùy	Hương	N	2/10/1995	Phú Yên	2.71	Khá
13	135D1402120029	Nguyễn Trọng	Khôi		30/10/87	Phú Yên	3.00	Khá
14	135D1402120030	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	N	22/02/95	Phú Yên	2.64	Khá
15	135D1402120035	Trần Thị	Loan	N	4/1/1995	Bình Định	2.76	Khá
16	135D1402120036	Phạm Thị Thu	Min	N	7/9/1995	Phú Yên	2.66	Khá
17	135D1402120038	Lương Ngọc Trúc	Phương	N	4/10/1995	Khánh Hòa	2.83	Khá
18	135D1402120039	Nguyễn Thị	Phượng	N	11/5/1995	Bình Định	2.96	Khá
19	135D1402120041	Võ Ngọc	Thiện		9/1/1993	Phú Yên	2.61	Khá
20	135D1402120043	Nguyễn Thanh	Thọ		6/6/1995	Quảng Ngãi	2.69	Khá
21	135D1402120052	Nguyễn Đức	Thuận		22/12/94	Phú Yên	2.53	Khá
22	135D1402120046	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N	25/09/94	Phú Yên	2.76	Khá
23	135D1402120047	Nguyễn Thị Minh	Triết	N	3/3/1995	Phú Yên	3.40	Giỏi
24	135D1402120048	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	N	28/10/95	Phú Yên	2.69	Khá
25	135D1402120051	Phan Thị Kim	Xuyến	N	23/01/95	Phú Yên	2.76	Khá

Ghi chú: 1 Giỏi, 24 Khá , 0 Trung bình

9. Ngành:Sư phạm Tiếng Anh - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D1402310001	Huỳnh Nguyễn Bảo	Duyên	N	20/10/95	Phú Yên	2.61	Khá
2	135D1402310003	Trần Thị Tú	Hân	N	18/02/95	Phú Yên	2.85	Khá
3	135D1402310005	Phạm Thị	Hằng	N	16/09/95	Phú Yên	2.43	Trung bình
4	135D1402310006	Võ Thị Thu	Hằng	N	10/11/1995	Bình Định	2.84	Khá
5	135D1402310007	Nguyễn Yến	Khoa	N	18/08/95	Phú Yên	2.89	Khá
6	135D1402310011	Phạm Thị Minh	Ngọc	N	7/10/1995	Phú Yên	3.13	Khá
7	135D1402310013	Hồ Thị Cẩm	Nhi	N	22/12/95	Bình Định	2.96	Khá
8	135D1402310014	Phan Thị ý	Nhi	N	10/10/1995	Bình Định	2.90	Khá

9	135D1402310015	Võ Thị	Nhỏ	N	12/2/1995	Phú Yên	2.54	Khá
10	135D1402310019	Nguyễn Thị	Phương	N	4/8/1995	Quảng Ngãi	2.62	Khá
11	135D1402310020	Phan Trịnh Thanh	Phương	N	24/09/95	Phú Yên	2.70	Khá
12	135D1402310021	Nguyễn Thị Ngọc	Quế	N	26/11/95	Phú Yên	2.87	Khá
13	135D1402310022	Trần Như	Quỳnh	N	16/05/95	Phú Yên	2.84	Khá
14	135D1402310023	Nguyễn Sỹ	Sơn		16/09/95	Khánh Hòa	2.72	Khá
15	135D1402310024	Nguyễn Thị Đông	Sương	N	10/2/1995	Phú Yên	2.83	Khá
16	135D1402310026	Trần Hương	Thảo	N	30/10/95	Bình Định	2.85	Khá
17	135D1402310028	Nguyễn Thị Đinh	Thía	N	14/06/95	Phú Yên	2.59	Khá
18	135D1402310029	Nguyễn Thị Minh	Thư	N	14/02/95	Phú Yên	2.55	Khá
19	135D1402310032	Đỗ Thị Kim	Thúy	N	14/03/95	Phú Yên	2.61	Khá
20	135D1402310033	Trương Ngọc	Thúy	N	10/10/1995	Phú Yên	2.55	Khá
21	135D1402310031	Lê Thị Thu	Thủy	N	10/11/1995	Phú Yên	2.75	Khá
22	135D1402310034	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	N	22/08/95	Bình Định	2.42	Trung bình
23	135D1402310035	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	N	28/06/95	Phú Yên	2.61	Khá
24	135D1402310036	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	N	10/10/1995	Phú Yên	2.67	Khá
25	135D1402310037	Bùi Thị Ngọc	Trương	N	10/4/1995	Phú Yên	2.70	Khá
26	135D1402310038	Trần Thị Anh	Tú	N	9/5/1995	Phú Yên	2.71	Khá

Ghi chú: *0 Giỏi, 24 Khá , 2 Trung bình*

10. Ngành:Việt nam học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D2201130011	Võ Thị Minh	Dân	N	29/07/95	Phú Yên	2.83	Khá
2	135D2201130012	Nguyễn Thị Mỹ	Diên	N	12/12/1994	Phú Yên	3.09	Khá
3	135D2201130054	Lê Thị Mỹ	Hảo	N	29/08/95	Phú Yên	2.83	Khá
4	135D2201130021	Trần Thị	Hiền	N	12/2/1995	Phú Yên	2.91	Khá
5	135D2201130055	Lê Thị Mỹ	Hiền	N	26/03/95	Khánh Hoà	2.94	Khá
6	135D2201130022	Trần Thị	Hợi	N	25/03/94	Phú Yên	2.92	Khá
7	135D2201130005	Mai Thị	Linh	N	21/05/95	Phú Yên	2.79	Khá
8	135D2201130059	Phạm Thị Minh	Nguyệt	N	25/06/94	Phú Yên	2.86	Khá
9	135D2201130035	Nguyễn Hoàng Linh	Nhi	N	27/11/95	Phú Yên	2.79	Khá
10	135D2201130042	Phạm Thị Thu	Thảo	N	4/7/1995	Phú Yên	2.99	Khá
11	135D2201130049	Phạm Anh	Tú	N	25/08/95	Phú Yên	2.80	Khá

Ghi chú: *11 Khá*

11. Ngành:Ngôn ngữ Anh - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D2202010021	Ngô Thị Minh	Diện	N	11/8/1995	Phú Yên	2.89	Khá
2	135D2202010023	Trần Công	Duy		13/01/95	Phú Yên	3.16	Khá
3	135D2202010025	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	N	2/10/1995	Bình Định	2.81	Khá
4	135D2202010026	Tào Mỹ	Duyên	N	6/12/1995	Bình Định	2.61	Khá
5	135D2202010028	Phan Thị Thúy	Hằng	N	20/12/95	Bình Định	2.43	Trung bình
6	135D2202010029	Võ Thị Thu	Hằng	N	25/05/95	Bình Định	2.55	Khá
7	135D2202010030	Võ Thị	Hiền	N	20/03/95	Bình Định	2.77	Khá
8	135D2202010001	Dương Thị Thanh	Hoài	N	28/05/95	Phú Yên	2.61	Khá

9	135D2202010008	Nguyễn Thị Hồng	Hợi	N	21/08/95	Bình Định	2.64	Khá
10	135D2202010035	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	N	5/4/1994	Bình Định	2.55	Khá
11	135D2202010037	Nguyễn Thị Kim	Liên	N	2/1/1995	Phú Yên	2.46	Trung bình
12	135D2202010038	Lê Thị Ngọc	Linh	N	14/07/95	Gia Lai	2.83	Khá
13	135D2202010010	Mai Thị Thu	Lượng	N	29/09/95	Bình Định	2.63	Khá
14	135D2202010042	Hồ Thị Diễm	Mi	N	28/04/95	Phú Yên	2.51	Khá
15	135D2202010044	Nguyễn Thị Trà	My	N	20/02/95	Bình Định	2.68	Khá
16	135D2202010004	Phạm Bích	Ngọc	N	16/02/94	Phú Yên	2.99	Khá
17	135D2202010048	Võ Thị Hải	Nhi	N	11/4/1995	Quảng Trị	2.58	Khá
18	135D2202010050	Cao Thị Trình	Phúc	N	9/8/1995	Phú Yên	2.60	Khá
19	135D2202010051	Tô Thị Xuân	Phương	N	28/08/95	Bình Định	2.35	Trung bình
20	135D2202010056	Bùi Thị Thanh	Tâm	N	5/6/1995	Gia Lai	2.85	Khá
21	135D2202010058	Hồ Nguyên	Thảo	N	24/12/95	Bình Định	2.70	Khá
22	135D2202010060	Lê Thị Thanh	Thật	N	12/2/1995	Bình Định	2.72	Khá
23	135D2202010015	Đỗ Thị	Thuận	N	20/04/95	Quảng Ngãi	2.56	Khá
24	135D2202010064	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	N	12/3/1995	Bình Định	2.66	Khá
25	135D2202010069	Phùng Thị Cẩm	Tuyên	N	14/10/95	Phú Yên	2.80	Khá
26	135D2202010006	Lương Thị Ngọc	Tuyết	N	15/09/95	Phú Yên	2.92	Khá

Ghi chú: 0 Giỏi, 23 Khá , 3 Trung bình

12. Ngành:Văn học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D2203300001	Tôn Nữ Kiều	Anh	N	6/4/1994	Phú Yên	3.09	Khá
2	135D2203300030	Lê Thị Thanh	Hằng	N	25/12/95	Phú Yên	2.74	Khá
3	135D2203300008	Đỗ Thanh	Hiệp	N	25/02/94	Bình Định	2.92	Khá
4	135D2203300011	Phạm Thị Thúy	Hường	N	13/03/94	Bình Định	2.70	Khá
5	135D2203300039	Trần Thị Ngọc	Mơ	N	22/07/95	Phú Yên	2.57	Khá
6	135D2203300013	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	N	29/11/95	Phú Yên	2.67	Khá
7	135D2203300014	K Sor Hờ	Na	N	14/08/95	Phú Yên	2.51	Khá
8	135D2203300045	Nguyễn Quỳnh	Như	N	2/1/1995	Phú Yên	2.47	Trung bình
9	135D2203300017	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	N	23/03/95	Gia Lai	2.75	Khá
10	135D2203300050	Võ Ngọc Lan	Thanh	N	21/07/95	Bình Định	2.64	Khá
11	135D2203300051	Võ Thị Huyền	Thanh	N	21/07/95	Bình Định	2.64	Khá
12	135D2203300052	Hồ Thị Thu	Thảo	N	27/07/95	Bình Định	2.61	Khá
13	135D2203300055	Võ Hoài	Thu	N	10/4/1995	Phú Yên	2.27	Trung bình
14	135D2203300056	Nguyễn Thị Anh	Thư	N	20/11/95	Phú Yên	2.46	Trung bình
15	135D2203300062	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	N	2/1/1995	Phú Yên	2.49	Trung bình
16	135D2203300019	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	N	25/10/95	Phú Yên	2.61	Khá
17	135D2203300065	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	N	16/10/95	Phú Yên	3.04	Khá
18	135D2203300068	Lê Hoài	Vy	N	8/11/1994	Phú Yên	2.62	Khá

Ghi chú: 0 Giỏi, 14 Khá , 4 Trung bình

13. Ngành:Sinh học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D4201010018	Trần Thị	An	N	25/03/95	Phú Yên	2.93	Khá

2	135D4201010020	Nguyễn Thị	Danh	N	18/07/95	Quảng Ngãi	3.35	Giỏi
3	135D4201010004	Lê Ngọc	Đoan		24/08/95	Phú Yên	2.94	Khá
4	135D4201010023	Lê Thị Thu	Hân	N	4/9/1995	Phú Yên	3.27	Giỏi
5	135D4201010012	Trần Thị Thu	Hằng	N	5/10/1995	Phú Yên	2.81	Khá
6	135D4201010013	Trần Thị Thu	Hảo	N	1/2/1995	Phú Yên	2.53	Khá
7	135D4201010025	Phạm Thị	Hậu	N	2/1/1995	Phú Yên	3.33	Giỏi
8	135D4201010027	Cao Thị Thảo	Huyên	N	8/3/1995	Phú Yên	3.02	Khá
9	135D4201010031	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	N	12/4/1995	Phú Yên	3.18	Khá
10	135D4201010015	Trần Thị Nhật	Linh	N	2/10/1995	Phú Yên	2.87	Khá
11	135D4201010033	Cao Thành	Lộ		1/1/1995	Phú Yên	2.80	Khá
12	135D4201010035	Trần Thị	Mai	N	4/11/1995	Đăk Lăk	3.09	Khá
13	135D4201010039	Nguyễn Nhật	Nam		3/10/1994	Bình Định	2.51	Khá
14	135D4201010050	Nguyễn Thị	Sương	N	20/09/95	Phú Yên	3.32	Giỏi

Ghi chú: 4 Giỏi, 10 Khá , 0 Trung bình

14. Ngành:Hóa học - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D4401120001	Phan Thị Tuyết	Cầm	N	3/8/1995	Phú Yên	3.24	Giỏi
2	135D4401120041	Dương Thị Kim	Đan	N	10/1/1995	Phú Yên	2.43	Trung bình
3	135D4401120007	Nguyễn Huỳnh	Định		15/09/95	Phú Yên	2.88	Khá
4	135D4401120008	Đào Văn	Đức		10/9/1995	Phú Yên	2.96	Khá
5	135D4401120006	Hà Thị Ngọc	Duyên	N	25/03/95	Phú Yên	3.07	Khá
6	135D4401120010	Đào Nguyên	Hộp		6/9/1995	Phú Yên	2.60	Khá
7	135D4401120050	Mai Tấn	Lộc		4/1/1995	Phú Yên	2.68	Khá
8	135D4401120052	Lê Ti	Na	N	5/11/1995	Phú Yên	2.55	Khá
9	135D4401120015	Võ Đình	Nghĩa		1/2/1995	Phú Yên	2.38	Trung bình
10	135D4401120056	Tô Thị Minh	Nhàn	N	10/6/1991	Phú Yên	2.79	Khá
11	135D4401120016	Thái Thị Quỳnh	Như	N	16/02/95	Phú Yên	2.68	Khá
12	135D4401120057	Phạm Thị Trúc	Như	N	6/2/1995	Phú Yên	2.79	Khá
13	135D4401120017	Trần Thị Kim	Nhung	N	9/7/1994	Phú Yên	2.75	Khá
14	135D4401120018	Nguyễn Thị Tài	Phú	N	6/3/1995	Phú Yên	2.76	Khá
15	135D4401120058	Đặng Thị	Phúc	N	5/4/1994	Bình Định	3.02	Khá
16	135D4401120021	Bùi Thị Bích	Phượng	N	25/08/95	Phú Yên	2.42	Trung bình
17	135D4401120059	Nguyễn Thị	Phượng	N	10/6/1995	Phú Yên	2.52	Khá
18	135D4401120064	Trần Thị Thanh	Thảo	N	27/06/95	Phú Yên	2.93	Khá
19	135D4401120025	Nguyễn Thị Kim	Thoa	N	22/05/95	Phú Yên	2.52	Khá
20	135D4401120067	Nguyễn Chánh	Toàn		15/08/94	Phú Yên	2.50	Khá
21	135D4401120028	Trần Thị Thu	Trang	N	14/01/95	Phú Yên	3.46	Giỏi
22	135D4401120070	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	N	3/11/1995	Phú Yên	2.59	Khá
23	135D4401120071	Lê Thị Thanh	Trúc	N	5/4/1995	Phú Yên	3.15	Khá
24	135D4401120074	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	N	20/04/95	Bình Định	2.74	Khá
25	135D4401120075	Nguyễn Thị Kim	Uyên	N	2/3/1995	Phú Yên	2.59	Khá
26	135D4401120076	Nguyễn Thị Thục	Uyên	N	3/11/1995	Phú Yên	2.71	Khá
27	135D4401120078	Trần Đức	Việt		9/5/1995	Phú Yên	2.88	Khá

28	135D4401120036	Nguyễn Quang	Vinh		10/12/1993	Quảng Bình	2.68	Khá

Ghi chú: 2 Giỏi, 23 Khá , 3 Trung bình

15. Ngành:Công nghệ thông tin - Trình độ :Đại học - Khóa : 2013-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	135D4802010016	Phạm Thị Phương	Chi	N	10/11/1995	Phú Yên	2.80	Khá
2	135D4802010009	Nguyễn Thị	Diệp	N	17/04/95	Gia Lai	2.76	Khá
3	135D4802010020	Nguyễn Hữu Hoàng	Đức		27/10/94	TP.Đà Nẵng	2.66	Khá
4	135D4802010010	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	N	10/5/1995	Phú Yên	2.75	Khá
5	135D4802010027	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	N	6/12/1995	Gia Lai	2.52	Khá
6	135D4802010030	Thái Thị ý	Nhi	N	20/01/94	Gia Lai	2.45	Trung bình
7	135D4802010005	Nguyễn Thị	Như	N	28/11/95	Phú Yên	2.73	Khá
8	135D4802010032	Lê Thị	Ni	N	2/2/1995	Phú Yên	2.50	Khá
9	135D4802010006	Ksơr Y	Siêu		27/02/95	Phú Yên	2.43	Trung bình
10	135D4802010049	Trần Thị Phương	Trâm	N	10/12/1995	Phú Yên	3.27	Giỏi
11	135D4802010053	Huỳnh Văn	Tùng		12/2/1994	Bình Định	2.15	Trung bình
12	135D4802010013	Lê Thị Thúy	Vy	N	20/09/95	Phú Yên	2.45	Trung bình

Ghi chú: 1 Giỏi, 7 Khá , 4 Trung bình

16. Ngành:Giáo dục Mầm non - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C1402010012	Phạm Thị Tâm	Anh	N	21/01/96	Gia Lai	2.75	Khá
2	141C1402010014	Sử Thị Hồng	Diệp	N	15/05/96	Ninh Thuận	2.84	Khá
3	141C1402010015	Nguyễn Thị	Điều	N	20/04/96	Bình Định	2.53	Khá
4	141C1402010016	Đỗ Thị Kim	Đức	N	1/6/1996	Quảng Ngãi	2.81	Khá
5	141C1402010017	Huỳnh Thị Ngọc	Dung	N	6/9/1996	Quảng Nam	2.67	Khá
6	141C1402010018	Lê Thị Hoàng	Duy	N	25/05/96	Phú Yên	2.87	Khá
7	141C1402010023	Nguyễn Thị	Hảo	N	20/11/96	Quảng Ngãi	2.85	Khá
8	141C1402010025	Đỗ Thị	Hiền	N	4/1/1996	Quảng Ngãi	2.85	Khá
9	141C1402010026	Nguyễn Thị Thu	Hiền	N	17/07/96	Phú Yên	2.45	Trung bình
10	141C1402010002	Hoàng Thị Như	Hoa	N	20/11/96	Phú Yên	2.50	Khá
11	141C1402010028	Nguyễn Thị Lệ	Hoài	N	16/08/96	Quảng Ngãi	2.68	Khá
12	141C1402010032	Trần Thị	Hường	N	27/01/95	Gia Lai	2.66	Khá
13	141C1402010033	Trần Thị	Huyền	N	20/03/96	Quảng Ngãi	2.68	Khá
14	141C1402010003	Nguyễn Thị ái	Kiều	N	6/10/1994	Bình Định	3.07	Khá
15	141C1402010004	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	N	14/05/95	Phú Yên	2.69	Khá
16	141C1402010036	Phạm Thị Mỹ	Lệ	N	8/2/1996	Quảng Ngãi	2.67	Khá
17	141C1402010037	Trương Thị Mỹ	Lệ	N	2/10/1996	Bình Định	2.60	Khá
18	141C1402010042	Võ Thị Khánh	Ly	N	20/06/96	Quảng Ngãi	2.89	Khá
19	141C1402010044	Phan Thị Hồng	Nga	N	22/02/95	Gia Lai	2.62	Khá
20	141C1402010045	Trần Thị Kim	Nga	N	30/05/95	Quảng Ngãi	2.81	Khá
21	141C1402010047	Trần Nguyễn Phương	Ngọc	N	2/10/1996	Phú Yên	2.57	Khá
22	141C1402010053	Trương Thị	Oanh	N	14/02/95	Quảng Ngãi	2.74	Khá
23	141C1402010054	Đặng Thị	Phấn	N	1/1/1996	Bình Định	2.77	Khá
24	141C1402010056	Đặng Thị	Phương	N	17/07/96	Quảng Nam	2.87	Khá

25	141C1402010060	Bùi Thị Thúy	Quyên	N	14/01/96	Quảng Ngãi	2.72	Khá
26	141C1402010062	Võ Thị Kim	Sơn	N	18/09/96	Quảng Ngãi	2.96	Khá
27	141C1402010063	Nguyễn Thị	Tâm	N	10/3/1993	Gia Lai	2.63	Khá
28	141C1402010064	Phạm Thị	Thật	N	3/4/1996	Bình Định	3.00	Khá
29	141C1402010006	Nguyễn Thị	Thi	N	16/06/93	Phú Yên	2.61	Khá
30	141C1402010065	Đinh Thị Lệ	Thu	N	15/05/95	Ninh Bình	2.91	Khá
31	141C1402010008	Phạm Thị Ngọc	Thục	N	16/08/94	Phú Yên	2.54	Khá
32	141C1402010066	Bạch Thị	Thương	N	5/9/1996	Quảng Ngãi	2.85	Khá
33	141C1402010070	Trần Thị	Thương	N	1/9/1994	Đăk Lăk	2.58	Khá
34	141C1402010071	Nguyễn Thị	Thúy	N	12/3/1995	Quảng Ngãi	2.71	Khá
35	141C1402010073	Phạm Thị Thanh	Tĩnh	N	25/10/95	Quảng Nam	2.80	Khá
36	141C1402010074	Trần Thị Minh	Trâm	N	12/12/1996	Phú Yên	2.95	Khá
37	141C1402010009	Cù Thị	Trang	N	14/08/95	Hà Tĩnh	2.81	Khá
38	141C1402010075	Huỳnh Thị	Trang	N	10/8/1995	Quảng Nam	2.69	Khá
39	141C1402010076	Nguyễn Thị Thảo	Trang	N	7/10/1996	Phú Yên	2.90	Khá
40	141C1402010077	Phan Thanh	Tuyền	N	12/6/1995	Phú Yên	2.97	Khá
41	141C1402010079	Nay Hờ	Vưng	N	15/11/96	Phú Yên	2.58	Khá
42	141C1402010081	Trương Thị Thanh	Xuân	N	2/12/1996	Quảng Ngãi	2.80	Khá
43	141C1402010083	Hà Thị Như	ý	N	16/06/96	Quảng Ngãi	2.66	Khá
44	141C1402010084	Vũ Thị Hải	Yến	N	8/8/1996	Gia Lai	2.86	Khá

Ghi chú: 0 Giỏi, 43 Khá , 1 Trung bình

17. Ngành:Giáo dục Tiểu học - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C1402020025	Phạm Văn	Bảy		22/08/96	Quảng Bình	2.67	Khá
2	141C1402020022	Nguyễn Thị Hồng	Đào	N	2/7/1995	Bình Định	2.82	Khá
3	141C1402020027	Đoàn Hiền	Diệp	N	26/05/96	Gia Lai	3.28	Giỏi
4	141C1402020028	Nguyễn Xuân	Định	N	20/04/95	Bình Định	2.90	Khá
5	141C1402020029	Trần Thị Thùy	Dung	N	15/06/96	Quảng Ngãi	3.10	Khá
6	141C1402020033	Nguyễn Minh	Hằng	N	1/11/1996	Gia Lai	3.04	Khá
7	141C1402020034	Lương Thị	Hiền	N	12/9/1996	Bình Định	2.66	Khá
8	141C1402020035	Võ Thị Linh	Hiếu	N	24/04/96	Phú Yên	2.78	Khá
9	141C1402020002	Ngô Quệ	Hoàng	N	23/11/96	Khánh Hòa	2.90	Khá
10	141C1402020023	Trần Thị Ngọc	Huyền	N	17/08/96	Phú Yên	2.67	Khá
11	141C1402020040	Lê Xuân	Khang		28/06/96	Bình Định	2.75	Khá
12	141C1402020043	Siu	Lan	N	1/2/1996	Gia Lai	2.56	Khá
13	141C1402020045	Đặng Thị Hồng	Linh	N	15/11/96	Gia Lai	2.93	Khá
14	141C1402020047	Nguyễn Thị Thùy	Linh	N	13/10/95	Quảng Nam	3.37	Giỏi
15	141C1402020048	Trần Hoài Thùy	Linh	N	21/10/96	Bình Định	3.21	Giỏi
16	141C1402020049	Nguyễn Thị Ngọc	Lộc	N	7/7/1996	Gia Lai	3.18	Khá
17	141C1402020051	Huỳnh Thị Kim	Ly	N	20/10/96	Bình Định	3.05	Khá
18	141C1402020053	Nguyễn Thị	Năm	N	1/1/1995	Quảng Ngãi	2.71	Khá
19	141C1402020055	Nguyễn Thị	Nghiêm	N	20/07/96	Bình Định	3.04	Khá
20	141C1402020056	Hồ Bảo	Ngọc	N	15/08/96	Bình Định	3.05	Khá

21	141C1402020003	Nguyễn Trung	Nguyên		28/07/96	Bình Định	2.70	Khá
22	141C1402020057	Trần ánh	Nguyệt	N	8/12/1996	Bình Định	2.67	Khá
23	141C1402020059	Nguyễn Thị Kim	Nhi	N	12/11/1996	Bình Định	2.97	Khá
24	141C1402020060	Tô ái	Nhi	N	22/01/96	Bình Định	2.79	Khá
25	141C1402020020	Ngô Thị	Qui	N	20/09/95	Bình Định	2.92	Khá
26	141C1402020063	Trần Thị Nhật	Quyên	N	27/01/96	Đồng Nai	2.78	Khá
27	141C1402020064	Huỳnh Thị	Sương	N	6/3/1996	Bình Định	3.17	Khá
28	141C1402020069	Nguyễn Hồng	Thắm	N	15/08/96	Bình Định	2.73	Khá
29	141C1402020070	Bùi Thị Thu	Thẩm	N	10/9/1996	Bình Định	2.94	Khá
30	141C1402020004	Huỳnh Trần	Thanh		7/10/1991	Khánh Hòa	2.66	Khá
31	141C1402020005	Nguyễn Thị Thu	Thảo	N	8/1/1996	Phú Yên	2.91	Khá
32	141C1402020017	Nguyễn Vũ Dạ	Thảo	N	29/03/95	Phú Yên	2.71	Khá
33	141C1402020072	Huỳnh Thị Bích	Thảo	N	27/04/96	Khánh Hòa	2.97	Khá
34	141C1402020074	Trần Thị Thu	Thảo	N	6/6/1996	Bình Định	2.73	Khá
35	141C1402020007	Trần Thị	Thơ	N	12/4/1995	Gia Lai	2.73	Khá
36	141C1402020024	Nguyễn Võ Kim	Thoa	N	1/1/1994	Bình Định	2.74	Khá
37	141C1402020075	Lê Thị Kim	Thoa	N	10/9/1996	Quảng Ngãi	2.81	Khá
38	141C1402020015	Giả Tấn	Thoại		17/04/96	Bình Định	2.78	Khá
39	141C1402020080	Nguyễn Thị Thu	Thúy	N	1/9/1996	Bình Định	3.07	Khá
40	141C1402020085	Trần Hương	Trà	N	18/05/96	Bình Định	2.93	Khá
41	141C1402020088	Trần Thị Phương	Trang	N	27/10/96	Phú Yên	2.64	Khá
42	141C1402020091	Lê Thị Thanh	Triều	N	8/2/1996	Bình Định	3.10	Khá
43	141C1402020018	Nguyễn Thị	Trinh	N	29/11/96	Bình Định	2.83	Khá
44	141C1402020093	Trần Thị Thu	Trinh	N	21/01/95	Quảng Ngãi	2.83	Khá
45	141C1402020021	Trần Thị Quí	Tưởng	N	25/01/95	Bình Định	3.16	Khá
46	141C1402020094	Nguyễn Thanh	Tuyến	N	4/6/1996	Bình Định	2.89	Khá
47	141C1402020095	Lê Thị ánh	Tuyết	N	13/09/96	Phú Yên	2.99	Khá
48	141C1402020097	Lê Thị Na	Uy	N	6/1/1996	Bình Định	3.08	Khá
49	141C1402020098	Bùi Thị Tường	Vi	N	3/1/1996	Quảng Ngãi	2.94	Khá
50	141C1402020099	Đào Thị Tường	Vi	N	27/10/96	Bình Định	3.08	Khá
51	141C1402020100	La Thị	Xuyên	N	17/08/96	Bình Định	2.98	Khá

Ghi chú: 3 Giỏi, 48 Khá , 0 Trung bình

18. Ngành:Sư phạm Tiếng Anh - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C1402310009	Nguyễn Thị Chân	Dung	N	1/2/1995	Phú Yên	2.75	Khá
2	141C1402310001	Trần Thị Kim	Giang	N	15/11/95	Phú Yên	2.79	Khá
3	141C1402310010	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	N	6/8/1995	Phú Yên	2.60	Khá
4	141C1402310011	Phạm Thị Thanh	Hằng	N	18/01/96	Phú Yên	2.54	Khá
5	141C1402310014	Nguyễn Văn	Hiền		20/07/96	Bình Định	2.85	Khá
6	141C1402310005	Trần Thị Xuân	Hưởng	N	24/06/93	Bình Định	2.33	Trung bình
7	141C1402310016	Trần Thị Thanh	Huyền	N	14/11/96	Đắk Lắk	2.70	Khá
8	141C1402310019	Nguyễn Thị ẩn	Lập	N	26/07/96	Kon Tum	2.79	Khá
9	141C1402310020	Nguyễn Thị Huyền	Lê	N	12/2/1995	Phú Yên	2.92	Khá

10	141C1402310041	Trương Thị Thanh	Thảo	N	30/04/95	Khánh Hòa	2.49	Trung bình
11	141C1402310043	Nguyễn Minh	Thư	N	15/11/96	Bình Định	2.62	Khá
12	141C1402310007	Trần Thị Thu	Trinh	N	8/11/1996	Phú Yên	2.69	Khá
13	141C1402310046	Trần Thị Kim	Trinh	N	16/03/96	Phú Yên	2.93	Khá
14	141C1402310047	Đỗ Thị	Trúc	N	10/10/1996	Phú Yên	2.69	Khá

Ghi chú: 0 Giỏi, 12 Khá , 2 Trung bình

19. Ngành:Việt nam học - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C2201130005	Nguyễn Thị	Diệm	N	14/09/95	Phú Yên	3.09	Khá
2	141C2201130006	Rơ Chăm Y	Dơn		10/10/1995	Phú Yên	2.67	Khá
3	141C2201130017	Lê Thị Hồng	Nhi	N	13/06/95	Bình Định	2.92	Khá

Ghi chú: 03 Khá

20. Ngành:Quản trị kinh doanh - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C3401010006	Nguyễn Khắc	Duy		17/11/96	Phú Yên	2.70	Khá
2	141C3401010028	Lương Thị	Việt	N	6/8/1994	Phú Yên	3.23	Giỏi

Ghi chú: 01 Giỏi, 01 Khá

21. Ngành:Tin học ứng dụng - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C4802020014	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	N	6/6/1995	Bình Định	2.40	Trung bình

Ghi chú: 01 Trung bình

22. Ngành:Lâm nghiệp - Trình độ :Cao đẳng - Khóa : 2014-2017

STT	Mã SV	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TL	Xếp loại
1	141C6202010022	Lê Quốc	Việt		29/08/95	Bình Định	2.66	Khá

Ghi chú: 01 Khá